

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 23/4/2026

“V/v Ly hôn, giải quyết nuôi con
chung và phân chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và bà Đặng Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hải Mi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2025/TLPT – HNGĐ ngày 18/11/2025 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con chung và phân chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2026/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H. Địa chỉ: Thôn T, phường C, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

Ông Hoàng Minh C - Đại diện theo ủy quyền cho bà Đặng Thị H về phân chia tài sản chung. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Đăk Lăk; có mặt,

- Bị đơn: Ông Hồ T. Địa chỉ: Thôn T, phường C, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

Bà Hồ Thị C1 - Người giám hộ cho ông Hồ T. Địa chỉ: 2 T, Phường T, Thành phố Đà Nẵng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ T:

+ Luật sư Võ Thị Minh H1, thuộc Công ty L – Chi nhánh Đ. Địa chỉ: 3 T, phường C, Thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

+ Luật sư Trần Văn H2, thuộc Đoàn Luật sư T7- Công ty L. Địa chỉ: E Ông Í, phường A, Quận A, Thành Phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1/ Ông Nguyễn Huy H3. Địa chỉ: D H, phường B, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Hồ Hoài T1. Địa chỉ: Tổ B, Phường T, Thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

Bà Hồ Thị Trà M - Đại diện theo ủy quyền cho bà Hồ Hoài T1. Địa chỉ: Thôn T, phường C, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

3/ Ông Nguyễn Minh T2 – Đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh Đ1. Địa chỉ: B N, phường B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân phường C. Địa chỉ: Phường C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Văn phòng C3. Địa chỉ: Phường B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Đặng Thị H, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Huy H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn, ông Hoàng Minh C đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị H về phần chia tài sản chung trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K (nay là phường C), tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, anh T bị bệnh tâm thần nên hay gây gỗ, đánh đập, đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của chị H. Nay xác định vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị H đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 04 con chung là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/4/2008, Hồ Quỳnh H4, sinh ngày 02/9/2009, Hồ Gia H5, sinh ngày 08/4/2012 và Hồ Quỳnh A, sinh ngày 27/10/2019. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, vợ chồng tạo lập được các tài sản gồm:

- Một căn nhà xây cấp 4, xây dựng trên thửa đất số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

- 03 ki ốt số 27, 28, 29 tại chợ C4 thuộc xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Về nợ chung:

- Vay ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 số tiền 500.000.000 đồng ngày 27/12/2021, thời hạn vay 36 tháng, thế chấp thửa đất số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có căn nhà xây cấp 4; hàng quý chị H vẫn trả đủ lãi suất cho ngân hàng.

- Vay ông Nguyễn Huy H3 số tiền 1.800.000.000 đồng, ngày 07/5/2019, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 07/5/2023, thế chấp cho ông H3 03 ki ốt số 27, 28, 29 tại chợ C4 thuộc xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường C, tỉnh Đắk Lắk. Chị H đã trả lãi suất cho ông H3 từ khi vay đến hết tháng 4 năm 2023.

- Vay của chị Nguyễn Hồ Hoài T1 số tiền 126.000.000 đồng.

Chị H yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản và số nợ mỗi người phải chịu 50%.

Đối với lô đất diện tích 794 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận QSD đất số BO 656847 cấp ngày 03/7/2023, tọa lạc tại xã -, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk chị H, anh T đã chuyển nhượng cho ông Đào Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ H6 ngày 18/5/2018; đối với lô đất số đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209391 cấp ngày 15/7/2011, thửa đất số 58 tờ bản đồ số 06, diện tích 5.050 m² đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Nhật T3 nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Hồ T, người giám hộ của bị đơn là bà Hồ Thị C1, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh Hồ T là Luật sư Võ Thị Minh H1, Trần Văn H2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: đồng ý với nội dung chị H trình bày. Do anh T bị bệnh tâm thần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T không nhớ gì mà chỉ nghe người nhà kể lại, anh T đã đi chữa bệnh nhiều nơi. Đến năm 2022 chị H không cho anh về nhà nên đã sống ly thân, nay chị H xin ly hôn anh T chấp nhận ly hôn chị H.

Về con chung: anh chị có 04 con chung như chị H đã trình bày. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung đến tuổi trưởng thành, anh T chấp nhận theo yêu cầu của chị H. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đang bị bệnh không nên không chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về phân chia tài sản chung, vợ chồng chị H, anh T tạo lập được các tài sản gồm:

- Một căn nhà xây cấp 4, xây dựng trên thửa đất số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4m được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

- 03 ki ốt số 27, 28, 29 tại chợ C4 thuộc xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Một lô đất diện tích 794 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận QSD đất số BO 656847 cấp ngày 03/7/2023, tọa lạc tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, chị H đã chuyển nhượng cho ông Đào Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ H6 ngày 18/5/2018, anh Hồ T không biết, đề nghị Tòa án xem xét. Đề nghị tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Một lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209391 cấp ngày 15/7/2011, thửa đất số 58 tờ bản đồ số 06, diện tích 5.050 m² chị H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Nhật T3. Đề nghị tuyên hợp đồng vô hiệu.

Về tài sản chung đề nghị chia đôi mỗi người 50%.

Về nợ chung: chị H vay của chị Nguyễn Hồ Hoài T1 số tiền 126.000.000 đồng năm 2016. Đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả số nợ này cho chị T1.

Đối với khoản nợ chị H cho rằng vay của ông Nguyễn Huy H3 1.800.000.000 đồng, lúc vay anh T đang bị bệnh tâm thần nên hợp đồng vô hiệu. Anh T không có nghĩa vụ trả số tiền này.

Đối với khoản nợ 500.000.000 đồng của ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1, lúc vay anh T đang bị bệnh tâm thần nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu. Anh T không có nghĩa vụ trả số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Huy H3 trình bày:

Ngày 07/5/2019 ông H3 cho vợ chồng anh T, chị H vay 1.800.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 07/5/2023. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền. Vợ chồng anh T, chị H chấp cho ông H3 hai hợp đồng thuê ki ốt chợ xã C, gồm 03 ki ốt số 27, 28, 29, hai bên thỏa thuận đến hạn trả nợ vợ chồng anh T, chị H không thực hiện được thì phải giao cho ông H3 hai hợp đồng thuê ki ốt và 03 ki ốt nói trên cùng với hàng hóa trong ki ốt. Anh T, chị H đã trả lãi suất đến ngày 07/5/2023, còn nợ gốc chưa trả. Nay ông H3 yêu cầu vợ chồng anh T, chị H trả số tiền gốc 1.800.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 07/5/2023 cho đến khi trả hết nợ là 780.300.000 đồng.

Bà Hồ Thị Trà M đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Hồ Hoài T1 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 28/10/2016 chị T1 cho chị H vay số tiền 126.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản để lo cho cuộc sống gia đình. Do anh T bị bệnh nên chị T1 chưa đòi, nay vợ chồng anh T, chị H ly hôn, chia tài sản nên chị T1 yêu cầu chị H trả số tiền 126.000.000 đồng gốc, không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Văn H7, ông Phan T5 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 trình bày:

Ngày 27/12/2021 vợ chồng anh T, chị H ký hợp đồng vay 500.000 000 đồng của ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1, thời hạn vay 36 tháng, tài sản thế chấp bảo đảm khoản tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² đã được cấp giấy chứng nhận QSD số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chị H đã trả được 166.700.000 đồng nợ gốc và 97.280.292 đồng lãi suất. Còn lại 333.300.000 đồng nợ gốc và 31.486.883 đồng lãi trong hạn, 95.769.074 đồng lãi quá hạn, phạt chậm trả 4.443.669 đồng. Nay vợ chồng anh T, chị H ly hôn, ngân hàng yêu cầu anh T chị H trả hết số nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh cho đến khi trả xong nợ, trường hợp không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 29/2025/HNGĐ - ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk đã quyết định:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H. Chị H được ly hôn ông Hồ T.

2. Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng cả 04 con chung là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/4/2008, Hồ Quỳnh H4, sinh ngày 02/9/2009, Hồ Gia H5, sinh ngày 08/4/2012 và Hồ Quỳnh A, sinh ngày 27/10/2019 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hồ T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng: không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị H về việc buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung:

Chị H được nhận tài sản gồm:

- 01 mảnh đất thửa số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường C, tỉnh Đắk Lắk);

- Một căn nhà xây cấp 4 và các vật kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất nói trên; Tổng giá trị của cả đất và nhà 766.092.450 đồng.

- 02 căn ki ốt số 28 và căn Ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk).

Anh T được nhận tài sản gồm:

- 01 căn ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk).

Các căn ki ốt này là tài sản thuê nên chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ của người thuê theo quy định của pháp luật trong thời gian thuê theo nội dung hợp đồng mà các bên thuê và bên cho thuê đã giao kết.

- Tách nội dung giải quyết đối với lô đất diện tích 794 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận QSD đất số BO 656847 cấp ngày 03/7/2023, tọa lạc tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, chị H, anh T đã chuyển nhượng cho ông Đào Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ H6 ngày 18/5/2018 và lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209391 cấp ngày 15/7/2011, thửa đất số 58 tờ bản đồ số 06, diện tích 5.050 m² chị H, anh T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Nhật T3 để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên cung cấp được địa chỉ của các đương sự.

5. Về nợ chung:

Chị H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 333.300.000 đồng nợ gốc, khấu trừ nghĩa vụ trả nợ vào số tài sản chung của vợ chồng.

Chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả số lãi suất còn lại của hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 24/9/2025 là 17.209.667 đồng. Kể từ sau ngày tuyên án (24/9/2025) chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả $\frac{1}{2}$ số lãi suất của hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả xong số nợ.

Khi chị H trả hết số nợ thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, thửa đất số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cho chị H. Trường hợp chị H không trả được nợ, thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Chị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H3 1.800.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 1,5%/tháng đối với $\frac{1}{2}$ số nợ nói trên tính từ ngày 07/5/2023 đến nay là 385.650.000 đồng. Kể từ sau ngày tuyên án 24/9/2025 chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền gốc 900.000.000 cho đến khi trả xong số nợ.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp 03 ki ốt số 27, 28, 29 tại chợ C4 thuộc xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường C, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông H3 là vô hiệu.

Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Hồ Hoài T1 126.000.000 đồng, khấu trừ vào tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 8/10/2025 nguyên đơn bà Đặng Thị H kháng cáo một phần của Bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung và công nợ vay và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 10/10/2025 ông Nguyễn Huy H3 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về phần yêu cầu độc lập của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn ông Hồ T trả cho ông nợ vay $\frac{1}{2}$ số tiền vay 1.800.000.000 đồng gốc và 385.650.000 đồng lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, cụ thể kháng cáo các nội dung sau:

1/ Nợ chị Hồ Thị Hoài T6 126.000.000 đồng ngày 18/10/2016, nợ Ngân hàng TMCP Q - chi nhánh Đ1 số tiền 333.300.000 đồng và khoản nợ 1.800.000.000 đồng của ông Nguyễn Huy H3. Yêu cầu tòa án chia đôi mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$.

2/ Nợ ngân hàng và nợ ông H3 đề nghị tòa xem xét phần án phí để có điều

kiện thi hành án.

3/ Yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4/ Yêu cầu tòa án giao cho chị H 03 ky ô; ky ô 27; 28; 29 vì số tiền vay chị H phải trả nhiều hơn số tài sản vợ chồng hiện có, hơn nữa hiện tại anh T có chỗ ở ổn định, trên lô đất thừa kế của bà Phước mẹ đẻ của anh tiền để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Huy H3 rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Bà H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy cấp sơ thẩm vi phạm một số nội dung sau:

- Về tố tụng:

- Đối với quyền thuê 03 kiốt kinh danh tại chợ C4, phường C, tỉnh Đắk Lắk, theo xác minh tại UBND xã C (nay là phường C) là quyền tài sản có thể cho thuê lại (sang nhượng quyền thuê tài sản) nhưng Tòa án không tiến hành thẩm định tại chỗ để xác định hiện trạng kinh doanh, các tài sản trên kiốt, hiện trạng giá trị hàng hóa đang kinh doanh, định giá tài sản và quyền sử dụng tài sản trên đất để đánh giá việc chia kiốt có ảnh hưởng đến việc kinh doanh không nhưng vẫn tiến hành chia quyền thuê tài sản, là thu thập, đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm quy định tại Điều 97, Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông T và bà H có 04 con chung đều chưa đến tuổi trưởng thành, Tòa án cấp sơ thẩm giao 04 con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng không buộc ông T phải cấp dưỡng, vì cho rằng ông T đang bị bệnh tâm thần, không có khả năng cấp dưỡng là không đúng quy định. Tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*. Như vậy, việc cấp dưỡng là nghĩa vụ và không được loại trừ đối với người khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Mặt khác, bị đơn đều khai ông T có một số tài sản được nhận thừa kế, đồng thời được chia thêm 01 kiốt để kinh doanh. Quá trình giải quyết, Tòa án không xem xét, xác minh thu nhập tài sản và thu nhập của ông T để giải quyết cấp dưỡng cho con là thiếu sót.

- Về nội dung:

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm không xác định tổng giá trị tài sản, nợ chung và tỷ lệ được nhận của các bên để chia tài sản.

Đối với việc Tòa án chia quyền thuê kiốt số 27 cho anh Hồ T (là người có khó khăn về nhận thức, làm chủ hành vi) mà không chỉ định người giám hộ thực hiện quyền, nghĩa vụ và người giám sát việc giám hộ là vi phạm quy định tại Điều 47, Điều 51, Điều 54, Điều 57 Bộ luật Dân sự.

Đối với khoản vay số tiền 126.000.000 đồng, anh Hồ T và chị Đặng Thị H vay của chị Nguyễn Hồ Hoài T1, là nợ chung của vợ chồng phát sinh vào năm 2016, thời điểm anh Hồ T không bị tâm thần phân liệt theo Kết luận giám định của Cơ quan giám định pháp y tâm thần, do đó cần buộc anh Hồ T phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung của 02 vợ chồng.

Đối với nội dung Tòa án tuyên chị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q - chi nhánh Đ1 số tiền 333.300.000 đồng và trả cho chị Nguyễn Hồ Hoài T1 số tiền 126.000.000 đồng, nhưng đều khấu trừ nghĩa vụ trả nợ vào tài sản chung của vợ chồng, sau khi chia tài sản chung cho chị H và anh T (tức là tài sản chung không còn để khấu trừ), là không đảm bảo việc thi hành án dân sự.

Đối với khoản 1.800.000.000 đồng vay của ông Nguyễn Huy H3, tại phần nhận định, Tòa án nhận định “ $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại là 900.000.000 đồng, do chị H là người quản lý, sử dụng, anh T bị bệnh tâm thần về nhận thức nên chị H có nghĩa vụ dùng tài sản chung của vợ chồng để trả nợ cho ông H3” nhưng phần quyết định lại không tuyên án là thiếu sót.

- Về án phí: Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Đặng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 85.243.000 đồng mà không tính án phí trên giá trị tài sản đương sự được nhận và nghĩa vụ tài chính phải thực hiện là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm b, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016. Đối với án phí của anh T, Bản án không nhận định, xem xét anh T có thuộc trường hợp được miễn án phí hay không nhưng vẫn tuyên trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho anh T là chưa đúng quy định.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa thu thập, xác minh đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án; đánh giá chứng cứ thiếu khách quan mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Huy H3 được miễn án phí phúc thẩm là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H:

[2.1] Về chia tài sản chung bản án sơ thẩm đã phân chia tài sản như sau:

[2.1.1] Bà H được nhận tài sản bao gồm:

- 01 mảnh đất thửa số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Đất có giá trị 632.000.000 đồng;

- Một căn nhà xây cấp 4 và các vật kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất nói trên; trị giá 134.092.450 đồng;

Tổng giá trị của cả đất và nhà 632.000.000 đồng + 134.092.450 đồng = 766.092.450 đồng.

- 02 căn ki ốt số 27 và căn Ki ốt số 28 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk).

[2.1.2] Ông T được nhận tài sản gồm: 01 căn ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk). Các căn ki ốt này là tài sản thuê nên bà H và ông T có quyền, nghĩa vụ của người thuê theo quy định của pháp luật trong thời gian thuê theo nội dung hợp đồng mà các bên thuê và bên cho thuê đã giao kết.

[2.1.3] Hội đồng xét xử nhận thấy Bản án sơ thẩm đã phân chia tài sản là có căn cứ, phù hợp với nhu cầu mục đích, sử dụng và công sức của các bên. Nên bà H kháng cáo yêu cầu được nhận thêm tài sản 01 căn ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk) không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ chung:

[2.2.1] Đối với việc vợ chồng bà H, ông T giao kết hợp đồng vay ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 27/12/2021. Theo kết luận số 277/KLGĐ ngày 24/12/2024 của Trung tâm P và Quyết định số 03/2022/QĐST-VDS ngày 22/12/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, thì khi giao kết hợp đồng anh T đang bị bệnh hạn chế về khả năng nhận thức nên vô hiệu một phần, nên ông T không phải chịu trách nhiệm trả nợ cho hợp đồng vay này. Toà sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 333.300.000 đồng và lãi suất còn lại là 17.209.667 đồng là phù hợp, do đó bà H kháng cáo yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền vay nợ gốc và lãi suất còn lại là không có căn cứ.

[2.2.2] Đối với khoản vay ông Nguyễn Huy H3 số tiền 1.800.000.000 đồng, Toà sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả ½ số tiền vay này là 900.000.000 đồng và

lãi suất là 385.650.000 đồng, vì lúc giao kết hợp đồng ông T bị hạn chế về nhận thức nên hợp đồng này vô hiệu một phần đối với nghĩa vụ của ông T, là có căn cứ. Ông T hiện là người tâm thần không có khả năng lao động. Việc sinh hoạt cá nhân của ông T phụ thuộc vào người thân. Do đó, không có căn cứ để buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông H3 ½ số tiền số tiền vay và lãi suất này.

[2.2.3] Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Hồ Hoài T1 số tiền 126.000.000 đồng, Toà sơ thẩm buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà T1 số tiền này là phù hợp, bởi lẽ ông T hiện là người tâm thần không có khả năng lao động. Việc sinh hoạt cá nhân của ông T phụ thuộc vào người thân. Do đó, không có căn cứ để buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà T1 ½ số tiền vay này.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc buộc ông T cấp dưỡng 4 con chung, là có căn cứ. Bởi lẽ, ông T hiện là người tâm thần không có khả năng lao động. Việc sinh hoạt cá nhân của ông T phụ thuộc vào người thân. Do đó, không có căn cứ để buộc ông T cấp dưỡng nuôi 4 con chung của bà H.

[2.4] Về án phí: Bản án sơ thẩm buộc bà H chịu 85.243.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, là có căn cứ phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin miễn giảm án phí của bà H. Ông T là người tâm thần không có nhận thức về hành vi dân sự nên được miễn toàn bộ án phí dân sự, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm không nhận định, xem xét ông T có thuộc trường hợp được miễn án phí hay không nhưng vẫn tuyên trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông T là thiếu sót cần bổ sung.

Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H cần giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 29/2025/HNGĐ - ST ngày 24/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk.

[3] Ngày 10/10/2025 ông Nguyễn Huy H3 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về phần yêu cầu độc lập của ông, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa Bản án sơ thẩm, buộc bị đơn ông Hồ T trả cho ông nợ vay ½ số tiền vay 1.800.000.000 đồng gốc và 385.650.000 đồng lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngày 3/02/2026 ông H3 đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy H3.

[4] Về án phí:

[4.1] Nguyên đơn bà Đặng Thị H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy H3 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông H3 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy H3 buộc bị đơn ông Hồ T trả nợ vay $\frac{1}{2}$ số tiền vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng) gốc và 385.650.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) lãi, tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/HNGĐ-ST ngày 24/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk.

[3] Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 53, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1] Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị H. Chị H được ly hôn ông Hồ T.

[3.2] Về con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng cả 04 con chung là Hồ Thị Quỳnh N, sinh ngày 07/4/2008, Hồ Quỳnh H4, sinh ngày 02/9/2009, Hồ Gia H5, sinh ngày 08/4/2012 và Hồ Quỳnh A, sinh ngày 27/10/2019 đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hồ T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng: không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị H về việc buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

[3.4] Về tài sản chung:

Chị H được nhận tài sản gồm:

- 01 mảnh đất thửa số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường C, tỉnh Đắk Lắk);

- Một căn nhà xây cấp 4 và các vật kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất nói trên; Tổng giá trị của cả đất và nhà 766.092.450 đồng (bảy trăm sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

- 02 căn ki ốt số 28 và căn Ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk).

Anh T được nhận tài sản gồm:

- 01 căn ki ốt số 29 tại chợ xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thuê của UBND xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND phường C, tỉnh Đắk Lắk).

Các căn ki ốt này là tài sản thuê nên chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ của người thuê theo quy định của pháp luật trong thời gian thuê theo nội dung hợp đồng mà các bên thuê và bên cho thuê đã giao kết.

- Tách nội dung giải quyết đối với lô đất diện tích 794 m² đất trồng cây lâu năm, thửa đất số 308, tờ bản đồ số 02 giấy chứng nhận QSD đất số BO 656847 cấp ngày 03/7/2023, tọa lạc tại xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, chị H, anh T đã chuyển nhượng cho ông Đào Văn K, bà Nguyễn Thị Mỹ H6 ngày 18/5/2018 và lô đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 209391 cấp ngày 15/7/2011, thửa đất số 58 tờ bản đồ số 06, diện tích 5.050 m² chị H, anh T đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Nhật T3 để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên cung cấp được địa chỉ của các đương sự.

[3.5] Về nợ chung:

Chị H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 333.300.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) nợ gốc, khấu trừ nghĩa vụ trả nợ vào số tài sản chung của vợ chồng.

Chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả số lãi suất còn lại của hợp đồng tín dụng nói trên tính đến ngày 24/9/2025 là 17.209.667 đồng (mười bảy triệu hai trăm lẻ chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Kể từ sau ngày tuyên án (24/9/2025) chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả ½ số lãi suất của hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả xong số nợ.

Khi chị H trả hết số nợ thì bên nhận thế chấp có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 696067, ngày 18/9/2015, thửa đất số 149 tờ bản đồ số 74 diện tích 246,4 m² tọa lạc tại thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cho chị H. Trường hợp chị H không trả được nợ, thì bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Chị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Huy H3 1.800.000.000 đồng (một tỷ tám trăm triệu đồng) nợ gốc và lãi suất 1,5%/tháng đối với ½ số nợ nói trên tính từ

ngày 07/5/2023 đến nay là 385.650.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Kể từ sau ngày tuyên án 24/9/2025 chị H có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi suất 1,5%/tháng đối với số tiền gốc 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) cho đến khi trả xong số nợ.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp 03 ki-ốt số 27, 28, 29 tại chợ C4 thuộc xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường C, tỉnh Đắk Lắk) để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho ông H3 là vô hiệu.

Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Hồ Hoài T1 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng), khấu trừ vào tài sản chung của vợ chồng.

[3.6] Chị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Hồ Thị C1 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Bà Hồ Thị C1 phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết tại các hợp đồng vay của ông H3 và vay của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ2 là 8.761.000 đồng (tám triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng). Trả lại cho bà C2 số tiền còn lại là 7.239.000 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Bà Hồ Thị C1 phải chịu chi phí giám định tâm thần số tiền 3.940.000 đồng (ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Trả lại cho bà C2 số tiền còn lại 8.060.000 đồng (tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Hồ Thị C1 phải chịu số tiền 154.000 đồng (một trăm năm mươi bốn nghìn đồng) lệ phí cung cấp tài liệu của Bệnh viện T8 phục vụ công tác giám định theo yêu cầu của bà C1. Khấu trừ vào số tiền bà C1 đã nộp.

[3.7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số: AA/2021/0018404, ngày 14 tháng 02 năm 2023. Chị H phải chịu 85.243.000 đồng (tám mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Hồ T số tiền tạm ứng án phí DSST 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số: AA/2021/0018526, ngày 17 tháng 4 năm 2023 và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số AA/2021/0018627, ngày 18 tháng 7 năm 2023;

Trả lại cho ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Đ1 số tiền tạm ứng án phí DSST 8.711.000 đồng (tám triệu bảy trăm mười một nghìn đồng) đã nộp tại Chi

cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số: AA/2023/0001443, ngày 15 tháng 4 năm 2023;

Trả lại cho chị Nguyễn Hồ Hoài T1 số tiền 3.150.000 đồng (ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ theo biên lai số AA/2021/0018626, ngày 18 tháng 7 năm 2023;

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai số 0003183 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy H3 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. 3/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 8- Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 8- Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Huyền

